

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DSST
Ngày 19 tháng 08 năm 2024
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Đỗ Ngọc Quý
- Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024, về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 07 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Bà N có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Mai Văn B, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn P B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Ông B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị N trình bày:

Bà và ông Mai Văn B, sinh năm: 1954, trú tại: Thôn P B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có mối quan hệ làm ăn. Từ năm 2020 đến năm 2022, ông Mai Văn B có mua thức ăn của bà bán để nuôi ốc. Ông B mua rất nhiều lần, mỗi lần ông B mua thức ăn nuôi ốc, bà đều ghi sổ số lượng kilogram thức ăn và số tiền từng đợt mua. Đến cuối năm 2022, bà và ông B thống nhất cùng nhau chốt lại số nợ. Cụ thể ông Mai Văn B còn nợ bà 175.570.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà đưa sổ ghi quá trình mua bán với ông B và ông B trực tiếp ghi và kí tên vào sổ xác nhận số nợ trên. Ông B hứa đến cuối năm 2022, ông B bán ốc sẽ trả cho bà nhưng cho đến nay ông B vẫn không trả cho nợ bất cứ khoản nào, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông B trả nợ. Vì vậy, bà làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh để giải quyết buộc ông Mai Văn B trả một lần số tiền 175.570.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông B trả số tiền 143.180.000 đồng.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn B thừa nhận có mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản với bà Hà Thị N từ năm 2019 đến năm 2022. Quá trình mua bán, ông đã trả tiền cho bà N nhiều lần. Ông thừa nhận ông có viết vào cuốn sổ học sinh mà bà N ghi đưa cho ông ghi bằng số và bằng chữ đối với số tiền 175.750.000 đồng và số tiền 105.000.000 đồng. Ông khẳng định số tiền 105.000.000 đồng là số cuối cùng ông chốt số tiền mua bán hàng hóa với bà N. Nhưng ông cho rằng ông đã trả cho bà N nhiều lần với số tiền đã trả là 90.000.000 đồng, hiện ông chỉ còn thiếu bà N số tiền 15.000. 000 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu từ yêu cầu số tiền 175.570.000 đồng sang yêu cầu bị đơn trả số tiền 143.180.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần đã rút. Phần yêu cầu khởi kiện còn lại, xét thấy có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 143.180.000 đồng; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hà Thị N khởi kiện ông Mai Văn B có hộ khẩu thường trú: Thôn P B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung của yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn B thừa nhận giữa ông và bà Hà Thị N có giao dịch mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản từ năm 2019 đến năm 2022. Ông thừa nhận ông có viết số “175.570.000 đồng” và chữ “còn lại một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy chục ngàn đồng” (BL 16); và có ký tên của ông vào trang vở học sinh mà Hội đồng xét xử cho ông xem tại phiên tòa. Ông cũng thừa nhận ông viết cả chữ và số nội dung “...còn lại, 105.000.000” (BL 17) cũng vào ở học sinh được Hội đồng xét xử cho ông xem tại tòa. Ông xác nhận cụm từ và chữ “còn lại, 105.000.000” là số tiền chốt lần cuối giữa ông và bà N. Theo đó, số nợ ông chốt với bà N là 105.000.000 đồng, mà không phải là số tiền 175.570.000 đồng. Số tiền 175.570.000 đồng là số tiền chốt trước khi chốt lại số tiền 105.000.000 đồng. Ông xác định ông đã thanh toán tiền nợ cho bà N nhiều lần, hiện chỉ còn nợ bà N số tiền 15.000.000 đồng. Ông cũng thừa nhận sau khi chốt số 105.000.000 đồng thì ông và N vẫn tiếp tục mua bán nhưng ông đã thanh toán tiền mặt cho bà N.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy bà Hà Thị N và ông Mai Văn B có ký kết hợp đồng mua thức ăn nuôi trồng thủy sản. Hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 430 Bộ luật dân sự, nên giao dịch giữa các bên là hợp pháp.

[2.3] Về số tiền nợ bị đơn nợ nguyên đơn thì nhận thấy: Nguyên đơn cho rằng số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 175.570.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không chứng minh được tại sao số tiền này lại không được viết vào trang cuối – trang kết thúc giao dịch mua bán giữa các bên, mà lại viết ở trang phía trước trong cùng cuốn vở cuốn vở học sinh. Trong khi đó bị đơn và cả nguyên đơn cũng thừa nhận số tiền “còn nợ lại 105.000.000 đồng”, được viết vào trang cuối của quá trình giao dịch là do bị đơn viết. Việc nguyên đơn cho

rằng chính bị đơn là người chốt sổ nợ và viết số tiền nợ 175.570.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không đồng ý số tiền 175.570.000 đồng là số tiền chốt nợ mà chỉ thừa nhận chốt nợ là 105.000.000 đồng. Nguyên đơn đã không giải thích được điều này một cách hợp lý.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa khẳng định số tiền các bên chốt nợ là 105.000.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét chỉ có căn cứ để khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 105.000.000 đồng.

[2.5] Về việc bị đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, nhưng bị đơn không chứng minh được số tiền đã trả cho nguyên đơn, trong khi nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả nợ, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

[2.6] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu số tiền 38.180.000 đồng (143.180.000 đồng – 105.000.000 đồng). Đây là số tiền nguyên đơn cho rằng tiếp tục bán thức ăn tiếp theo sau khi chốt sổ nợ 105.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn không thừa nhận số tiền nguyên đơn ghi trong sổ, nguyên đơn cũng không chứng minh được đó là số tiền bị đơn mua hàng hóa tiếp theo, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 143.180.000 đồng và đình chỉ phần rút yêu cầu 32.390.000 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[2.7] Từ các nhận định nói trên, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là số tiền 105.000.000 đồng, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.180.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền mua hàng cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền hàng hóa còn thiếu cho nguyên đơn là có căn cứ.

[2.8] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Hà Thị N không yêu cầu tính lãi suất quá hạn nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó rút yêu cầu khởi kiện từ 175.570.000 đồng xuống còn 143.180.000 đồng. Phần rút yêu cầu là 32.390.000 đồng. Việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 32.390.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là $38.180.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.909.000 \text{ đồng}$. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $105.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.250.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 138, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 430, Điều 434, 440 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị N. Buộc bị đơn ông Mai Văn B phải trả cho bà Hà Thị N số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.180.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nguyên đơn rút yêu cầu là 32.390.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Qui định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Ông Mai Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $105.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.250.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Nguyên đơn bà Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $38.180.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.909.000 \text{ đồng}$. Nhưng nguyên đơn được vào số tiền tạm ứng án phí là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006825 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 2.491.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng)

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng